

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-3-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Cương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Thay**;

Ông **Đinh Hữu Cải**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Quyên**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Cường** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 583/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Ngọc B**, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Lê Tấn T**, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn **ngày 29/9/2020** cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Đặng Ngọc B** trình bày:

Bà và ông T chung sống với nhau vào năm 1995 đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân của ông bà là tự nguyện. Ông T là người nghiện rượu, sau khi uống rượu xong thường về nhà la

mắng, gây gỗ vô cớ, bà đã cố gắng chịu đựng để gia đình được hạnh phúc nhiều năm nay. Trước đây, bà cũng đã nộp đơn ly hôn một lần, ông T đã hứa sẽ thay đổi nên bà đã rút đơn. Tuy nhiên, đến nay ông T vẫn không thay đổi mà ngày càng la mắng bà thậm tệ hơn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Lê Quốc K, sinh ngày 20/5/1997 và Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 14/7/2003. Con chung tên K đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Q, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Tấn T trình bày: Ông bà chung sống với nhau vào năm 1995 đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân của ông bà là tự nguyện. Ông không nghiện rượu, tuy nhiên do nghề nghiệp của ông là làm thợ hồ nên sau khi kết thúc ngày làm việc thường phải uống rượu, mỗi lần uống được khoảng 2 xị rượu thì ngưng. Ông có la mắng bà B nhưng do bà B đi làm về trễ (khoảng 19 đến 20 giờ mới về đến nhà). Bình thường sau khi uống rượu xong ông về nhà thì chỉ nói chuyện bình thường chứ không la mắng bà B vô cớ. Thường ngày bà B đi làm từ 06 giờ sáng đến 19 giờ tối mới về, nhà cửa, cơm nước và chăm sóc con do một mình ông tự lo. Nay ông vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án đã hòa giải đoàn tụ mà bà B vẫn cương quyết ly hôn thì ông cũng không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Lê Quốc K, sinh ngày 20/5/1997 và Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 14/7/2003. Con chung tên K đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung tên Q nếu muốn sống với ông thì ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, trường hợp, nếu Q muốn sống với mẹ thì ông cũng đồng ý và ông cũng không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

- + Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B đối với ông T.
- + Con chung tên K đã thành niên bà B và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung tên Q cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
- + Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận bà B và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Tấn T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về hôn nhân: Bà B và ông T chung sống với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn ngày 15/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn do bà B cung cấp. Bà cho rằng quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được. Tại phiên tòa, bà B cho rằng ông T thường xuyên uống rượu, gây gổ với bà, ông T không chăm lo cho gia đình, bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Phía ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì còn thương vợ con nên ông T không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu và lời trình bày của bà B thấy rằng: Ông bà thực tế có mâu thuẫn với nhau trong một khoảng thời gian dài không điều hòa được. Bà B và ông T thường xuyên gây gổ, cãi vã với nhau, bà B không còn tình cảm với ông T và cương quyết ly hôn dù đã được động viên, hòa giải để đoàn tụ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định ông bà không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà B là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Lê Quốc K, sinh ngày 20/5/1997 và Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 14/7/2003. Con chung tên K đã thành niên, bà B và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Con chung tên Q có nguyện vọng sinh sống với bà B, xét thấy, việc giao con chung tên

Q cho bà B là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận bà B không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con, ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà B và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Ngọc B đối với ông Lê Tấn T. Bà Đặng Ngọc B được ly hôn với ông Lê Tấn T.

2. Về con chung: Con chung tên Lê Quốc K, sinh ngày 20/5/1997 đã thành niên, bà Đặng Ngọc B và ông Lê Tấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Bà Đặng Ngọc B tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 14/7/2003. Ghi nhận bà Đặng Ngọc B không yêu cầu ông Lê Tấn T phải cấp dưỡng nuôi con, ông Lê Tấn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Ngọc B và ông Lê Tấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đặng Ngọc B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001178 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà Đặng Ngọc B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà B biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Cường